

Số: 19/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội
Về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ
Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 Sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ
Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng
Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm
2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng
Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương
và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc
gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn
2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg
ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một
số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng
Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương
và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc
gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn
2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 (Nghị quyết số 10/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết 12/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 12/NQ-HĐND);

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 57/BC-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2025 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước đã được phân bổ tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND và Nghị quyết 12/NQ-HĐND về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022, như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư: 19.176,5 triệu đồng của các dự án, tiểu dự án sau:

1.1. Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 7.646 triệu đồng, trong đó: Huyện Na Hang: 4.551 triệu đồng; huyện Chiêm Hoá: 1.295 triệu đồng; huyện Yên Sơn: 1.800 triệu đồng (*tại mục 2, 3, 5 phần II, biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND*).

1.2. Dự án 6. Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 6.116 triệu đồng thuộc huyện Lâm Bình (*tại mục 1, phần II, biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND*).

1.3. Tiểu dự án 2, Dự án 10. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Sở Thông tin và Truyền Thông (*nay là Sở Khoa học và Công nghệ*): 5.414,5 triệu đồng (*tại mục 3, phần I, biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết 10/NQ-HĐND và mục 2, phần I, biểu kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND*).

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư: 19.176,5 triệu đồng tại 02 dự án sau:

a) Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt tại 04 huyện Lâm Bình, Na Hang, Chiêm Hoá, Yên Sơn: 10.646 triệu đồng (*tại mục 1, 2, 3, 5, phần II, biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND*).

b) Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc tại huyện Lâm Bình: 8.530,5 triệu đồng (*tại mục 1, phần II, biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND*).

(Có biểu chi tiết đính kèm)

3. Các nội dung không được điều chỉnh, tiếp tục thực hiện theo các Nghị quyết giao dự toán kinh phí đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 13 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo;
- Các Văn phòng: Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT (Nam).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 01/7/2022 và Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/4/2023			Điều chỉnh		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Tổng số	Trong đó:		
			NSTW	NSDP				NSTW	NSDP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng	259.069,5	259.069,5		19.176,5	19.176,5	259.069,5	259.069,5		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	105.912,5	105.912,5			10.646,0	116.558,5	116.558,5		
	Điều chỉnh tăng vốn đầu tư	105.912,5	105.912,5			10.646,0	116.558,5	116.558,5		
1	Huyện Lâm Bình	29.680,0	29.680,0			3.000,0	32.680,0	32.680,0		
2	Huyện Na Hang	27.902,5	27.902,5			4.551,0	32.453,5	32.453,5		
3	Huyện Chiêm Hoá	16.802,5	16.802,5			1.295,0	18.097,5	18.097,5		
4	Huyện Yên Sơn	31.527,5	31.527,5			1.800,0	33.327,5	33.327,5		
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	11.687,0	11.687,0		7.646,0		4.041,0	4.041,0		
	Điều chỉnh giảm vốn đầu tư	11.687,0	11.687,0		7.646,0		4.041,0	4.041,0		
1	Huyện Na Hang	8.160,0	8.160,0		4.551,0		3.609,0	3.609,0		
2	Huyện Chiêm Hoá	1.452,0	1.452,0		1.295,0		157,0	157,0		
3	Huyện Yên Sơn	2.075,0	2.075,0		1.800,0		275,0	275,0		
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	122.917,0	122.917,0			8.530,5	131.447,5	131.447,5		
	Điều chỉnh tăng vốn đầu tư	122.917,0	122.917,0			8.530,5	131.447,5	131.447,5		
1	Huyện Lâm Bình	122.917,0	122.917,0			8.530,5	131.447,5	131.447,5		

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 01/7/2022 và Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/4/2023			Điều chỉnh		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Tổng số	Trong đó:		
			NSTW	NSDP				NSTW	NSDP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
IV	Dự án 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	9.547,0	9.547,0		6.116,0		3.431,0	3.431,0		
	Điều chỉnh giảm vốn đầu tư	9.547,0	9.547,0		6.116,0		3.431,0	3.431,0		
1	Huyện Lâm Bình	9.547,0	9.547,0		6.116,0		3.431,0	3.431,0		
V	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình (Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	9.006,0	9.006,0		5.414,5		3.591,5	3.591,5		
	Điều chỉnh giảm vốn đầu tư	9.006,0	9.006,0		5.414,5		3.591,5	3.591,5		
1	Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ)	9.006,0	9.006,0		5.414,5		3.591,5	3.591,5		